

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**HỒ THỊ NGỌC LINH**

**PHÁP LUẬT VỀ XÁC LẬP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU  
CHỨNG NHẬN, QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NHÃN  
HIỆU “BÚN BÒ HUẾ”**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022**

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Đoàn Đức Lương**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	5
7. Kết cấu luận văn.....	6
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XÁC LẬP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN .....</b>	<b>7</b>
<b>1.1. Khái quát xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận .....</b>	<b>7</b>
1.1.1. Khái niệm nhãn hiệu và nhãn hiệu chứng nhận.....	7
1.1.3. Khái niệm quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.....	7
1.1.4. Vai trò của xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận .....	8
<b>1.2. Khái quát pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận</b>	<b>8</b>
1.2.1. Khái quát pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu.....	8
1.2.2. Nội dung pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. ...	8
Tiểu kết Chương 1.....	9
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XÁC LẬP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “BÚN BÒ HUẾ” .</b>	<b>10</b>
<b>2.1. Thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận .....</b>	<b>10</b>
2.1.1. Thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận	10
2.1.2. Đánh giá các quy định về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận	12
<b>2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” .....</b>	<b>14</b>
2.2.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về xác lập nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” .....	14
2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý sử dụng nhãn hiệu “Bún bò Huế”	15
2.2.3. Những hạn chế trong thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận”Bún bò Huế” .....	16

Tiêu kết chương 2.....	18
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÁC LẬP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN .....</b>	<b>19</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận .....</b>	<b>19</b>
3.1.1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng về xây dựng thương hiệu cho hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp và địa phương.....	19
3.1.2. Góp phần thực hiện chiến lược về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam đến năm 2030 .....	19
3.1.3. Bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.....	20
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận .....</b>	<b>20</b>
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận .....	20
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.....	22
Tiêu kết chương 3 .....	23
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>24</b>

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài**

Trong những năm qua nhãn hiệu đã trở thành vấn đề cấp thiết được các cá nhân, tổ chức quan tâm. Để có hành lang pháp lý thì Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi bổ sung 2009 và 2019) đã có những quy định khung điều chỉnh. Trong quá trình phát triển từ góc độ quản lý nhà nước cũng như các tổ chức kinh tế luôn quan tâm việc xác lập, sử dụng có hiệu quả nhãn hiệu cho sản phẩm của mình ở trong nước và ra nước ngoài. Về tầm quốc gia, Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030 theo Quyết định 1320/QĐ-TTg ngày 08/5/2019 với nội dung nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của thương hiệu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư và nâng cao năng lực xây dựng, phát triển, quản trị thương hiệu cho doanh nghiệp là những chính sách tầm vĩ mô để các địa phương vận dụng trong quá trình xây dựng thương hiệu địa phương. Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Xác lập, quản lý và sử dụng quyền sở hữu công nghiệp nói chung và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng đã tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, góp phần khuyến khích hoạt động sáng tạo, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời góp phần tạo nền tảng đưa hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam đạt chuẩn mực phổ cập của thế giới theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ của Tổ chức Thương mại thế giới. Thực tiễn thi hành pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận bộc lộ một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Việc xác lập nhãn hiệu chứng nhận những năm qua đã được thực hiện khá tốt ở nhiều địa phương góp phần nâng cao thương hiệu đặc sản địa phương, những hàng hóa hoặc dịch vụ của doanh nghiệp. Số lượng thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận chưa nhiều, thủ tục phiền hà và những lợi ích khi tham gia sử dụng

nhãn hiệu chứng nhận chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, việc kiểm soát không hiệu quả tình hình xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận khiến môi trường cạnh tranh méo mó, uy tín doanh nghiệp bị thiệt hại, môi trường đầu tư kém hấp dẫn, người tiêu dùng bị chỉ dẫn sai, không thể sử dụng lợi ích của việc bảo hộ nhãn hiệu phục vụ cho phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế đất nước. Tình trạng xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận diễn ra phổ biến bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó không thể không kể đến hệ thống pháp luật còn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản luật, giữa các văn bản luật với hệ thống văn bản hướng dẫn, giữa pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, các chế tài xử phạt còn chưa đủ sức răn đe; hoạt động của các cơ quan thực thi còn chông chéo, năng lực của cán bộ có thẩm quyền còn hạn chế, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa hiệu quả; ý thức tự bảo vệ quyền của chủ thể chưa cao; hệ thống cơ quan, tổ chức hỗ trợ cho hoạt động phát hiện và xử lý xâm phạm quyền còn thiếu và yếu; ý thức chung của xã hội về bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận còn thấp.

Thừa Thiên Huế là tỉnh miền Trung với đặc điểm chung là núi lấn sát biển, địa hình có tính chuyển tiếp từ địa hình đồng bằng ven biển đến địa hình miền núi cao, khí hậu nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. Thời gian qua, một số nhãn hiệu đã được bảo hộ như nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”. Song, việc sử dụng có hiệu quả nhãn hiệu nói chung và nhãn hiệu “Bún bò Huế” nói riêng chưa có các chiến lược phát triển sản xuất và kinh doanh để duy trì tính ổn định chất lượng và phát triển thị trường. Vì vậy, việc xác lập và quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận mang lại hiệu quả thiết thực là một vấn đề cần thiết.

Xuất phát từ tính cấp thiết, ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của vấn đề, tác giả đã chọn đề tài ***“Pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, qua nghiên cứu trường hợp nhãn hiệu “Bún bò Huế”*** làm đề tài luận văn Thạc sĩ của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Nghiên cứu pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu nói chung và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng có thể kể đến một số công trình tiêu biểu:

*Thứ nhất*, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến xác lập nhãn hiệu:

Sách chuyên khảo *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (2004) do Lê Hồng Hạnh và Đinh Thị Mai Phương chủ biên.

“*Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chứng nhận theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*” (2015) của tác giả Lê Thị Vân, Luận văn thạc sĩ Luật học, khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

“*Bảo hộ nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận theo pháp luật Việt Nam hiện nay*” (2019) của tác giả Đoàn Văn Tiềm, Luận văn thạc sĩ Luật kinh tế, Viện khoa học xã hội.

Nguyễn Thị Hoài Thanh (2021), *Xác lập quyền sở hữu và quản trị nhãn hiệu của các doanh nghiệp Việt Nam*. Tạp chí tài chính online. <https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/xac-lap-quyen-so-huu-va-quan-tri-nhan-hieu-cua-cac-doanh-nghiep-viet-nam-301472.html>, truy cập 28/12/2021.

*Thứ hai*, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý sử dụng nhãn hiệu:

Đề án khoa học cấp Bộ (2016), *Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng đề án nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ do Cục Sở hữu trí tuệ chủ trì*.

Đề án nghiên cứu khoa học cấp Bộ (2015), *Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế* do Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện.

Lưu Đức Thanh (2019) “*Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể*” đăng trên website Cục Sở hữu trí tuệ.

Trần Hải Linh (2015) “*Quản lý nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận thể cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An, số 04.2015, ISSN 1859-1949.

Qua nghiên cứu các công trình, có một số kế thừa sau đây:

*Một là*, luận văn kế thừa một số nội dung liên quan lý luận pháp luật và thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu nói chung và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng.

*Hai là*, luận văn kế thừa một số vụ việc phân tích thực tiễn về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận ở các địa phương, so sánh với thực tiễn ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích***

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn để làm cơ sở đề xuất các phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu ở Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

#### ***3.2. Nhiệm vụ***

*Một là*, nghiên cứu một số vấn đề lý luận pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

*Hai là*, nghiên cứu thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; trên cơ sở đó chỉ ra một số vướng mắc của pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

*Ba là*, nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận ở tỉnh Thừa Thiên Huế; qua nghiên cứu chỉ ra một số vướng mắc trong thực hiện pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận pháp luật xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;



Nghiên cứu pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Phạm vi nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận ở Việt Nam, không nghiên cứu ra phạm vi nước ngoài.

Về thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2021.

Địa bàn: Nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”, tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***5.1. Phương pháp luận***

Luận văn được thực hiện trên cơ sở nền tảng lý luận của các nguyên tắc, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác –Lênin; những quan điểm đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật.

#### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, tác giả kết hợp sử dụng một số phương pháp chung được áp dụng trong nghiên cứu khoa học như: phương pháp tổng hợp; phương pháp phân tích tài liệu; phương pháp hệ thống hoá pháp luật; phương pháp thống kê; phương pháp so sánh luật.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

*Ý nghĩa lý luận:* Kết quả của Luận văn nhằm bổ sung những vấn đề lý luận về pháp luật xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Luận văn đã đưa ra một số khái niệm, khung pháp luật điều chỉnh và hai nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.

*Ý nghĩa thực tiễn:* Luận văn góp phần đánh giá thực trạng xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, những hạn chế trong thực hiện pháp luật có ý nghĩa tham khảo cho các chủ sở hữu nhãn hiệu, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan quản lý nhà nước khác; làm tài liệu tham khảo cho Sinh viên Luật, Luật Kinh tế.

## **7. Kết cấu luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết cấu luận văn bao gồm các chương sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Chương 2. Thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và thực tiễn thực hiện pháp luật đối với nhãn hiệu “Bún bò Huế”.

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

## Chương 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XÁC LẬP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

### 1.1. Khái quát xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

#### 1.1.1. Khái niệm nhãn hiệu và nhãn hiệu chứng nhận

- Theo khoản 16 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 cũng đưa ra định nghĩa nhãn hiệu như sau: *Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.* Chức năng cơ bản của nhãn hiệu là phân biệt để giúp người tiêu dùng có quyết định lựa chọn giữa những hàng hóa, dịch vụ đa dạng được chào bán trên thị trường.

- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 lần đầu tiên đã ghi nhận về sự tồn tại của nhãn hiệu chứng nhận tại Khoản 18 Điều 4: “Nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu”.

#### 1.1.2. Khái niệm về xác lập nhãn hiệu chứng nhận

Nhãn hiệu không đương nhiên được bảo hộ như quyền tác giả mà phải thông qua hoạt động xác lập. Khái niệm xác lập nhãn hiệu chứng nhận được hiểu như sau: Xác lập nhãn hiệu chứng nhận là hoạt động của các chủ thể đứng đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu đối với nhãn hiệu và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đơn, cấp chứng nhận nhãn hiệu và ghi vào sổ đăng bạ.

#### 1.1.3. Khái niệm quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

- Quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận được hiểu là các hoạt động của chủ sở hữu nhãn hiệu điều hành, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu và đảm bảo chất lượng hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng nhãn hiệu.

- Quyền quản lý nhãn hiệu chứng nhận thuộc về chủ sở hữu nhãn hiệu. Quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận thuộc về tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu trao quyền sử dụng.

#### ***1.1.4. Vai trò của xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận***

- Việc xác lập và quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo đúng pháp luật sẽ tạo nên một sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho chủ sở hữu và góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và dịch vụ.

- Góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người tiêu dùng.

### **1.2. Khái quát pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận**

#### ***1.2.1. Khái quát pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu***

- Pháp luật về xác lập nhãn hiệu chứng nhận là hoạt động của Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở xem xét đơn yêu cầu và các điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật để chấp nhận đơn và cấp giấy chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận làm cơ sở xác lập quyền đối với chủ sở hữu.

- Pháp luật về quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận là hoạt động do chủ sở hữu nhãn hiệu và các cơ quan nhà nước có liên quan thực hiện trên cơ sở Quy chế quản lý sử dụng nhãn hiệu và các văn bản pháp luật để xác lập quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan, đồng thời xác định những hành vi xâm phạm và quy định các biện pháp xử lý các hành vi xâm phạm đó.

#### ***1.2.2. Nội dung pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.***

##### ***1.2.2.1. Nhóm các quy định về xác lập nhãn hiệu chứng nhận***

- *Về điều kiện đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận:* Nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ.

- *Về đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận:* Một trong các điều kiện tiên quyết để được đăng ký nhãn hiệu chứng nhận là tổ chức nộp đơn

phải kèm theo dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Trình tự, thủ tục đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ: Chủ thể nộp đơn phải là người có quyền nộp đơn theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời đơn xin đăng ký nhãn hiệu cũng phải đáp ứng các yêu cầu nhất định (theo Điều 101 và Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ).

#### *1.2.2.2. Nhóm các quy định về quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận*

Để đảm bảo được thương hiệu có thể đứng nhất định, mặc nhiên các chủ sở hữu, các cơ quan chức năng cần xây dựng một quy chế phù hợp và có chính sách quản lý nhãn hiệu sau khi đăng ký bảo hộ có hiệu quả.

Quản lý nhãn hiệu của chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận trước hết căn cứ vào quy chế quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Quy chế quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận là văn bản quản lý tài sản nhằm thực hiện quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận của chủ sở hữu.

### **Tiểu kết Chương 1**

Chương 1 luận văn đã phân tích các khái niệm xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; làm rõ một số cơ sở lý luận về nhãn hiệu chứng nhận; phân tích lý luận nội dung cơ bản của pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận làm tiền đề cho Chương 2 nghiên cứu về thực trạng pháp luật và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XÁC LẬP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “BÚN BÒ HUẾ”

## 2.1. Thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

### 2.1.1. Thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

#### 2.1.1.1. Điều kiện xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận

Để một nhãn hiệu chứng nhận được chấp nhận bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019 thì nó phải đáp ứng được các điều kiện bảo hộ như một nhãn hiệu thông thường. Tức là nhãn hiệu đó, phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ 2005.

*Đầu tiên*, nhãn hiệu chứng nhận phải có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác.

*Về khả năng tự phân biệt*: Nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng được quy định tại Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Tức là, nhãn hiệu chứng nhận đó phải "được tạo thành từ một hoặc một số yếu tố dễ nhận biết, dễ ghi nhớ hoặc từ nhiều yếu tố kết hợp thành một tổng thể dễ nhận biết, dễ ghi nhớ".

*Về điều kiện*: nhãn hiệu chứng nhận không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các đối tượng thuộc phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

*Thứ hai*, nhãn hiệu chứng nhận phải là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

2.1.1.2. Quy định pháp luật về đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận.

\* Quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 87 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019, quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận thuộc về tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng, đặc tính, nguồn gốc hoặc tiêu chí khác liên quan đến hàng hóa, dịch vụ với điều kiện không tiến hành sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó; đối với địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương của Việt Nam thì việc đăng ký phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

*\* Thủ tục đăng ký nhãn hiệu chứng nhận*

*Thứ nhất*, tiếp nhận đơn đăng ký.

Hồ sơ yêu cầu đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 100, Điều 101, Điều 105, Điều 108 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi bổ sung năm 2019. Đơn yêu cầu đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận phải đảm bảo tính thống nhất được quy định tại Điều 101. Đơn đăng ký nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng được các yêu cầu về mặt hình thức, nội dung đơn và các tài liệu cần thiết khác.

*Thứ hai*, thẩm định hình thức đơn đăng ký.

Thời hạn thẩm định hình thức của đơn là 01 tháng kể từ ngày nộp đơn. Đơn đăng ký hợp lệ và được chấp nhận nếu đáp ứng được các yêu cầu về tính thống nhất của đơn (quy định tại Điều 101 Luật Sở hữu trí tuệ); yêu cầu về mặt hình thức và nội dung đơn (được quy định tại Điều 100, Điều 105, Điều 108, Điều 109 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi bổ sung năm 2019).

*Thứ ba*, công bố đơn đăng ký nhãn hiệu chứng nhận.

Đơn đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, sẽ được công bố công khai trên Công báo sở hữu trí tuệ sau 02 tháng kể từ ngày đơn được chấp nhận hợp lệ về mặt hình thức.

*Thứ tư*, thẩm định nội dung đơn đăng ký.

Thời hạn thẩm định nội dung với đơn đăng ký nhãn hiệu chứng nhận là không quá chín tháng, kể từ ngày công bố đơn.

### *2.1.1.3. Quy định pháp luật về quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận*

*Thứ nhất*, quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

*Một là*: Chủ sở hữu có quyền ngăn cấm người khác sử dụng nhãn hiệu chứng nhận thuộc quyền sở hữu của mình.

*Hai là*: Chủ sở hữu có quyền định đoạt nhãn hiệu chứng nhận theo quy định tại Chương X Luật Sở hữu trí tuệ 2005.

*Ba là*: Cho phép các cá nhân, tổ chức sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận cũng có những nghĩa vụ nhất định bao gồm: Nghĩa vụ sử dụng liên tục nhãn hiệu; tuân thủ nghiêm chỉnh Quy chế sử dụng, có nghĩa vụ kiểm tra, thẩm định việc cấp phép sử dụng nhãn hiệu; giám sát hoạt động của những người sử dụng nhãn hiệu; phối hợp cùng với các sở, ban ngành cũng như với chính các doanh nghiệp để thúc đẩy, xúc tiến việc phát triển các nhãn hiệu ...

*Thứ hai*, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận có nghĩa vụ tuân thủ nghiêm chỉnh quy chế sử dụng cũng như các tiêu chuẩn đã đề ra.

### **2.1.2. Đánh giá các quy định về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận**

#### *2.1.2.1. Một số ưu điểm*

*Thứ nhất*, Việt Nam đã thiết lập được một hệ thống pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khá đầy đủ và chi tiết, về cơ bản đã phù hợp với những thông lệ và chuẩn mực quốc tế về sở hữu trí tuệ; ý thức của các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh ngày một nâng cao.

*Thứ hai*, cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn lực con người phục vụ cho quá trình xem xét đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ cũng ngày càng được chú trọng đầu tư.

*Thứ ba*, hệ thống các tổ chức hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp và các công ty luật giải quyết các vấn đề sở hữu trí tuệ cũng khá phát triển, trợ giúp cho các tổ chức cá nhân thực hiện việc xác lập quyền của mình.



*Thứ tư*, hoạt động hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức có liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ cũng ngày càng được hoàn thiện.

#### 2.1.3.2. Một số hạn chế

*Thứ nhất*, việc quy định về yếu tố “*dễ nhận biết*”, “*dễ ghi nhớ*”, “*khả năng tương tự đến mức gây nhầm lẫn*” chưa được rõ ràng, các văn bản hướng dẫn cũng không giải thích rõ điều này.

*Thứ hai*, quy định về thời gian xem xét giải quyết đối với một đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận giống như với một nhãn hiệu thông thường là 12 tháng. Tuy nhiên, do hiện nay đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ đang bị tồn đọng với số lượng khá lớn, có những đơn đăng ký kéo dài tới 2-3 năm vẫn chưa giải quyết xong.

*Thứ ba*, quy định về chuyển giao quyền sở hữu và chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận chưa được cụ thể. Các quy định về chuyển giao quyền sở hữu và chuyển giao quyền sử dụng mới chỉ đề cập tới nhãn hiệu nói chung.

*Thứ tư*, về quyền ưu tiên.

Theo Khoản 3 Điều 90 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2019 có quy định: “Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ có thể được cấp cho một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo sự thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì tất cả các đơn đều bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ”. Quy định này dẫn đến việc gây ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp đã sử dụng hoạt động lâu năm. Vì vậy, cần có thêm các cơ chế bảo vệ đối với các doanh nghiệp này.

*Thứ năm*, về nhãn hiệu chứng nhận mang tên địa danh.

Trong thời gian dài do chưa chú ý nên chính quyền địa phương đã có văn bản cho các doanh nghiệp sử dụng tên địa danh cho các sản phẩm hoặc dịch vụ

cùng loại. Khi tổ chức kinh tế đăng ký nhãn hiệu chứng nhận bị từ chối vì gây nhầm lẫn. Vấn đề này cần được luật hóa để tránh sự chông chéo và khai thác có hiệu quả tên địa danh.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”**

### ***2.2.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về xác lập nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”***

Vào ngày 14/7/2016, UBND tỉnh Thừa thiên Huế nộp đơn đăng ký NHCN “Bún bò Huế” tại Cục Sở hữu trí tuệ (Số đơn: 4-2016-21260) và đã được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ ngày 28/7/2016. Trước đó, ngày 13/7/2016, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định số 1623/QĐ-UBND về việc ban hành “Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Bún bò Huế”. Ngày 25/11/2016, Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận số 4-0272400-000 cho sản phẩm Bún bò Huế. Ngày hết hạn bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận được ghi nhận trong văn bằng bảo hộ vào ngày 14/07/2026.

#### *Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”*

Nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” được đăng ký bảo hộ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế làm chủ sở hữu và giao cho Hiệp hội Du lịch Thừa Thiên Huế quản lý.

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đứng ra là chủ thể đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm “Bún bò Huế” cùng với logo nhận diện, hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành, nhằm xây dựng sản phẩm “Bún bò Huế” chuẩn vị, được pháp luật bảo hộ, hoàn toàn không phải là để sở hữu riêng nhãn hiệu đó. Bởi lẽ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế không đồng thời là chủ thể sản xuất, sử dụng trực tiếp sản phẩm và kinh doanh sản phẩm “Bún bò Huế”.

## ***2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý sử dụng nhãn hiệu “Bún bò Huế”***

### ***2.2.2.1. Quy chế quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”***

Vào ngày 13/7/2016, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định số 1623/QĐ-UBND về việc ban hành “Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Bún bò Huế”. Trong nội hàm của quy chế trên đã nêu rõ:

*Thứ nhất*, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” như logo nhãn hiệu phải đăng ký với Hiệp hội Du lịch Thừa Thiên Huế để xin được cấp Giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu.

*Thứ hai*, chủ thể tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” hoàn toàn bình đẳng về quyền lợi và trách nhiệm liên quan.

*Thứ ba*, tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” phải đáp ứng các điều kiện theo quy chế.

*Thứ tư*, tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” không được tự ý chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu này dưới bất cứ hình thức nào.

*Thứ năm*, về quản lý việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”, Hiệp hội Du lịch Thừa Thiên Huế là cơ quan có trách nhiệm tổ chức hoạt động kiểm tra và đánh giá sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” theo các tiêu chí.

*Cuối cùng*, các tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” đều được giải quyết thông qua thỏa thuận giữa các cơ sở hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Quy chế trên quy định rất cụ thể và chi tiết nội dung liên quan đến việc quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”.

### ***2.2.2.2. Số lượng thành viên tham gia nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”***

Bất cứ cá nhân, tổ chức hoạt động chế biến và cung cấp dịch vụ ăn uống mong muốn sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” kèm với logo phải

đăng ký với Hiệp hội Du lịch Thừa Thiên Huế để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu.

Vào năm 2016 tại Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, chủ sở hữu cùng với các cơ quan liên quan đã cho thí điểm 02 mô hình, tổ chức khai trương 02 gian hàng giới thiệu và quảng bá nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”. Hiện nay, một số khách sạn, nhà hàng trên địa bàn Thành phố Huế đã đáp ứng các tiêu chí theo như Quy chế “Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Bún bò Huế” và thực hiện khai thác sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” có thể kể đến như khách sạn Mường Thanh, khách sạn Hùng Vương, khách sạn Thành Nội, quán Cẩm.

### ***2.2.3. Những hạn chế trong thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”***

#### ***2.2.3.1. Hạn chế về số lượng thành viên***

Trong giai đoạn đầu số lượng tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” chỉ dừng lại ở mức thí điểm nên chỉ có 2 cơ sở sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” để phục vụ cho công tác xác lập bảo hộ nhãn hiệu và quảng bá đến với công chúng.

Ngày 06/3/2018, trước thời điểm nghiệm thu giai đoạn 1 các cơ sở triển khai mô hình nhãn hiệu “Bún bò Huế” có chính thức 5 cơ sở đăng ký phục vụ khách theo tiêu chuẩn của nhãn hiệu; trong đó có 4 cơ sở tại các khách sạn và chỉ có duy nhất Quán Cẩm (địa chỉ 45 Lê Lợi, thành phố Huế) là có gắn logo nhãn hiệu chứng nhận “Bún Bò Huế” trên bảng hiệu của cửa hàng.

Theo kết quả khảo sát, chỉ 05/35 (chiếm tỷ lệ 14,3%) cơ sở sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” có mặt trên địa bàn Thành phố Huế, có thể kể đến như khách sạn Mường Thanh, khách sạn Hùng Vương, khách sạn Thành Nội, quán Cẩm.

Thông qua đây, cho thấy tình hình sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” vẫn còn hạn chế chủ yếu là các nhà hàng, khách sạn lớn mới đáp ứng được các tiêu chí mà Quy chế đã đề ra.

### *2.2.3.2. Hạn chế về kiểm soát chất lượng*

Hiện nay cơ chế thị trường diễn ra ngày càng mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến các cơ sở/hàng quán kinh doanh dịch vụ ăn uống “Bún bò Huế” từ cách nấu nước dùng đều có sự thay đổi, nguyên vật liệu cung cấp cũng có sự biến đổi rõ rệt. Việc quản lý, truy xuất tận nguồn gốc đối với hoạt động cung ứng đầu vào cho sản phẩm hay cách chế biến nó thật sự khó khăn và còn khó khăn hơn nữa đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng của sản phẩm đầu ra.

### *2.2.3.3. Hạn chế về tính chất thủ tục hành chính*

Các thủ tục về cấp phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, kiểm soát việc sử dụng, kiểm soát các đặc tính của sản phẩm của Ủy ban nhân dân các cấp được coi là thủ tục hành chính. Nếu theo góc độ này thì quyết định ban hành quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của UBND có dấu hiệu "vi phạm pháp luật", bởi khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và điểm d khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP nêu rõ cấm quy định thủ tục hành chính trong quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp. Thực chất, nhãn hiệu chứng nhận là một loại tài sản theo quy định của pháp luật dân sự cho nên nếu nhìn từ góc độ quản lý tài sản trong giao dịch dân sự thì đây là văn bản quản lý tài sản của chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận.

### *2.2.3.4. Một số nguyên nhân dẫn đến những bất cập, tồn tại trong thực hiện pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận*

*Thứ nhất*, ý thức của các cá nhân, tập thể, doanh nghiệp trong việc chủ động đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận.

Thực tế hiện nay, ý thức chủ động trong việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa ở nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam còn rất kém, tồn tại nhiều vụ việc vi phạm sở hữu trí tuệ.

*Thứ hai*, một số quy định về pháp luật bảo hộ nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận còn bất cập, chưa hợp lý, cần phải được điều chỉnh cho phù

hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia để đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thứ ba*, tên địa danh có tính phổ quát ở địa phương không thuộc về bất cứ chủ sở hữu nhãn hiệu nào. Việc các chủ thể sử dụng tên địa danh trong các nhãn hiệu bảo hộ cho các sản phẩm, dịch vụ cùng nhóm không xác định là trùng lặp và gây nhầm lẫn. Khi bảo hộ sẽ bảo hộ tổng thể nhãn hiệu chứ không bảo hộ riêng tên địa danh.

## **Tiểu kết chương 2**

Chương 2 Luận văn đã phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, đánh giá thực trạng pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và chỉ ra một số hạn chế của pháp luật. Qua nghiên cứu trường hợp nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” luận văn đã khái quát quá trình xác lập, quản lý sử dụng và chỉ ra một số hạn chế, nguyên nhân trong quá trình thực hiện pháp luật đối với nhãn hiệu chứng nhận nói chung và “Bún bò Huế” nói riêng. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

### Chương 3

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ XÁC LẬP, QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận**

#### ***3.1.1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng về xây dựng thương hiệu cho hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp và địa phương***

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về sở hữu trí tuệ nói riêng, tạo lập một hành lang pháp lý an toàn, đảm bảo cho quyền lợi của cá nhân, tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhà đầu tư, người tiêu dùng và toàn xã hội.

Đẩy mạnh việc giao lưu, hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới trong mọi lĩnh vực đặc biệt trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Ký kết và tham gia các Điều ước quốc tế quan trọng, nhằm tạo môi trường đầu tư an toàn, ổn định để thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ.

Chú trọng công tác đầu tư, xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Đầu tư cho việc cải cách và hiện đại hóa hệ thống cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật cho người dân trong các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Chính vì vậy, công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ luôn được Cục Sở hữu trí tuệ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

#### ***3.1.2. Góp phần thực hiện chiến lược về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam đến năm 2030***

Ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1068/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030, là công cụ quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, cũng như phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Nhằm triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ, thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2020-2025. Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch công tác, lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án để tổ chức thực hiện, hướng dẫn triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ. Các Sở Khoa học và Công nghệ cũng cần tăng cường phối hợp các cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhất là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số...

Bên cạnh đó, chú trọng các giải pháp thúc đẩy hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ. Thời gian tới, việc phát triển các trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp rất quan trọng, nhằm thúc đẩy khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ.

### ***3.1.3. Bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở địa phương***

Trong thời gian qua, việc xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông thôn gắn với chỉ dẫn nguồn gốc địa lý đã trở thành một định hướng quan trọng nhằm thúc đẩy sức cạnh tranh; cần có những giải pháp, chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy, nâng cao giá trị, hiệu quả của hoạt động xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu cộng đồng trong thời gian tới.

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận**

### ***3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận***

*Thứ nhất*, làm rõ khái niệm nhãn hiệu chứng nhận.

Về khái niệm nhãn hiệu chứng nhận, mặc dù đã đưa ra được định nghĩa thế nào là nhãn hiệu chứng nhận. Tuy nhiên, định nghĩa này vẫn còn quá chung chung, khái quát, với trình độ hiểu biết thông thường của đa số người dân. Do



đó, để tạo điều kiện cho việc thực hiện quyền của chủ sở hữu, cũng như cho các cơ quan áp dụng pháp luật, cần làm rõ khái niệm nhãn hiệu chứng nhận trong các văn bản hướng dẫn thi hành.

*Thứ hai*, bổ sung các tiêu chí, điều kiện bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận.

Dù nhãn hiệu chứng nhận đầu tiên phải là một nhãn hiệu, phải đáp ứng được các tiêu chuẩn đối với một nhãn hiệu thông thường nhưng nhãn hiệu chứng nhận lại có những đặc thù riêng nên việc áp dụng các quy định đối với một nhãn hiệu nói chung để xem xét với nhãn hiệu chứng nhận thực sự chưa đầy đủ.

Các khái niệm: yếu tố "*dễ nhận biết*", "*dễ ghi nhớ*"; "*khả năng tương tự đến mức gây nhầm lẫn*" hiện còn mang tính chất chung chung, khái quát, do vậy nên làm rõ các khái niệm này trong các văn bản hướng dẫn thi hành.

Pháp luật Việt Nam nên có các hướng dẫn, giải thích thêm về điều kiện bảo hộ với nhãn hiệu chứng nhận trong các văn bản hướng dẫn thi hành, bổ sung thêm một số quy phạm cụ thể.

*Thứ ba*, sửa đổi, bổ sung các quy định về chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận.

Hiện nay, các quy định của pháp luật về chuyển giao quyền sở hữu đối với nhãn hiệu chứng nhận chưa được cụ thể rõ ràng, nói đúng hơn là chưa được quy định. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009 cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành mới chỉ đề cập tới việc chuyển giao quyền sở hữu đối với nhãn hiệu thông thường. Tuy nhiên, nhãn hiệu chứng nhận là một loại nhãn hiệu đặc thù, do vậy, có những nhãn hiệu, khó mà thực hiện việc chuyển giao trên thực tế.

Trường hợp chuyển quyền sử dụng đối với nhãn hiệu chứng nhận cũng không được quy định cụ thể. Nên quy định, các trường hợp nào được phép chuyển nhượng, các trường hợp nào không được phép chuyển nhượng, thủ tục chuyển nhượng... Quy định về việc chuyển quyền sử dụng với nhãn hiệu chứng nhận cần được làm rõ. Cụ thể, theo ý kiến của bản thân tác giả, nên có quy định cấm việc chuyển nhượng các nhãn hiệu chứng nhận có liên quan đến chỉ dẫn

nguồn gốc, việc chuyển nhượng các loại nhãn hiệu chứng nhận khác, phải được thực hiện một cách chặt chẽ, cẩn thận. Việc chuyển giao quyền sử dụng với nhãn hiệu chứng nhận nên thực hiện theo thủ tục hành chính.

### ***3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận***

#### ***3.2.2.1. Giải pháp chung***

*Thứ nhất*, vai trò của nhà nước trong việc thúc đẩy xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Thúc đẩy xác lập nhãn hiệu chứng nhận là yếu tố quan trọng của Nhà nước, trong đó điều tra, quy hoạch tiềm năng để xây dựng hồ sơ xác lập quyền đối với những hàng hóa và dịch vụ của địa phương rất quan trọng.

*Thứ hai*, đối với chủ thể là chủ sở hữu hoặc sử dụng nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận.

Sự đồng thuận trong sử dụng tên địa danh để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận.

Liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm mang yếu tố địa danh.

*Thứ ba*, nâng cao ý thức pháp luật và trình độ dân trí của cộng đồng, xã hội.

Một nhãn hiệu nói chung, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng muốn đạt được sự bảo hộ tuyệt đối thì không chỉ thông qua việc được cấp giấy chứng nhận bảo hộ theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà sự bảo hộ này phải được thể hiện trên thực tế. Để đạt được điều này, Nhà nước cần tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật đối với cộng đồng nói chung và các doanh nghiệp trong nước nói riêng.

#### ***3.2.2.2. Giải pháp cho nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”***

*Thứ nhất*, giao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” cho các tổ chức kinh tế, nhà hàng, khách sạn, cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống “Bún bò Huế”. Công khai thông tin về nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”.

Mở rộng cơ chế để nhiều chủ thể mong muốn sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”, cùng nhau tạo nên chuỗi cửa hàng sử dụng nhãn hiệu chứng

nhận “Bún bò Huế” khắp đất nước Việt Nam và mục tiêu hướng ra khỏi lãnh thổ hình chữ S này.

*Thứ hai*, tuyên truyền, hỗ trợ bước đầu thủ tục và kinh phí cho các chủ thể tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”.

*Thứ ba*, áp dụng Công nghệ số mạng lưới Internet để thông tin về nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”, giúp nhiều người biết đến nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”.

*Thứ tư*, xây dựng hệ thống quản lý điều hành, giám sát, kiểm soát phù hợp các điều kiện nhưng không gây cản trở cho các chủ thể sử dụng, khai thác nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế”.

### **Tiểu kết chương 3**

Chương 3 luận văn đã phân tích định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, hướng giải quyết tạo ra sự công bằng nhất định giữa chủ thể xâm hại và bị xâm hại hay chủ thể được hưởng lợi và chủ thể bị tổn thất.

## KẾT LUẬN

1. Xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu nói chung và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng ở Việt nam những năm qua đã được quan tâm đúng mức, tuy nhiên còn không ít hạn chế, vướng mắc pháp lý và thực tiễn. Các chủ sở hữu nhãn hiệu có chất lượng, uy tín, được đông đảo công chúng biết đến vẫn chưa được hưởng những quyền lợi chính đáng mà pháp luật quy định cho chủ sở hữu nhãn hiệu, để bảo vệ nhãn hiệu của mình chống lại các hành vi xâm phạm quyền và cạnh tranh không lành mạnh. Thực tế này không chỉ ảnh hưởng đến sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong nước. Đây cũng là nhu cầu chính đáng để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đồng thời, việc bảo hộ và thực thi quyền đối với nhãn hiệu góp phần khuyến khích, tạo lập và bảo vệ trật tự kinh doanh, hướng đến xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh trên phạm vi toàn cầu.

2. Luận văn luận giải một số vấn đề lý luận thông qua khái niệm và đặc điểm nhãn hiệu chứng nhận, nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về nhãn hiệu chứng nhận. Qua phân tích khái niệm pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, đặc điểm và vai trò của pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Đây là cơ sở để nghiên cứu thực trạng pháp luật Việt Nam.

3. Pháp luật Việt Nam về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận tương đối đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Nhiều quy định về điều kiện, đăng ký, quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu hình thành một khung pháp lý về bảo hộ nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận tương đối phù hợp và đáp ứng nhu cầu pháp lý của thị trường. Điều đó thể hiện rõ nét môi trường kinh doanh có tính hấp dẫn đáng kể của nước ta. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, còn nhiều hạn chế bất cập đã phát sinh trong quá trình thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ, pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu nói chung và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng tại Việt Nam. Luận văn đã nghiên cứu trường hợp nhãn hiệu chứng nhận “Bún bò Huế” cho thấy đây là sản phẩm truyền thống và nổi tiếng nhưng thực chất do nhiều yếu tố các chủ thể

thực sự chưa tham gia vào sử dụng nhãn hiệu chứng nhận này. Đây cũng chính là tình trạng khá phổ biến ở Việt Nam về hậu “xác lập” nhãn hiệu.

**4.** Từ nghiên cứu luận văn đã đưa ra ba định hướng và các giải pháp hoàn thiện Luật Sở hữu trí tuệ và giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung, pháp luật về xác lập, quản lý sử dụng nhãn hiệu chứng nhận nói riêng tại Việt Nam trong thời gian tới./.